

Bản án số: 14/2022/DS-ST

Ngày 25/3/2022

V/v: “*tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh, ông Chu Quốc Đạt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 25/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 11/2022/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐST-DS ngày 03/3/2022 giữa:

**\* Nguyên đơn:** Chị Ngô Thị Minh T, sinh năm 1979

Địa chỉ: số 123, đường Lê Lợi, tổ dân phố Ô Chương, thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

**\* Bị đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959

2. Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1953

Địa chỉ: số nhà 83, đường Trần Cao, phố Vôi, thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Ngô Thị Minh T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với vợ chồng ông C, bà H nên chị đã cho vợ chồng ông C, bà H vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Lần 1: ngày 26/01/2021 cho vay 110.000.000đ;
- Lần 2: ngày 05/02/2021 cho vay 190.000.000đ;
- Lần 3: ngày 29/4/2021 cho vay 200.000.000đ;
- Lần 4: ngày 13/5/2021 cho vay 200.000.000đ;
- Lần 5: ngày 14/5/2021 cho vay 100.000.000đ;

- Lần 6: ngày 07/6/2021 cho vay 200.000.000đ;
- Lần 7: ngày 14/7/2021 cho vay 50.000.000đ;
- Lần 8: ngày 05/8/2021 cho vay 170.000.000đ;

Việc giao nhận tiền trong những lần vay đều bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản số 2507211000131 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lạng Giang, Bắc Giang 2.

Ngày 05/8/2021 hai bên cùng thống nhất với nhau viết giấy cho vay tiền, thỏa thuận lãi suất là 1,6%/ tháng; nếu quá hạn không trả thì lãi suất là 02%/ tháng; thời điểm thanh toán lãi là ngày 25 hàng tháng. Thời điểm thanh toán gốc làm 04 lần, cụ thể:

- Lần 1: ngày 29/10/2021 trả 220.000.000đ;
- Lần 2: ngày 20/11/2021 trả 200.000.000đ;
- Lần 3: ngày 20/12/2021 trả 300.000.000đ;
- Lần 4: ngày 10/02/2022 trả 500.000.000đ;

Đến hạn thanh toán nhưng vợ chồng bà H, ông C không trả cho chị được số tiền gốc và lãi nào. Nay chị yêu cầu vợ chồng ông C, bà H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả cho chị số tiền gốc là 1.220.000.000đ (Một tỷ hai trăm hai mươi triệu đồng); tiền lãi tạm tính đến ngày 20/12/2021 là 98.293.333đ và tiền lãi phát sinh đối với từng khoản vay theo mức lãi suất là 1,6%/ tháng kể từ ngày 21/12/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày 20/01/2022 và các lời khai tiếp theo, bị đơn là vợ chồng ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị H đều trình bày: Ông bà xác nhận toàn bộ lời khai của chị T về những lần vay tiền, số tiền gốc vay, thời hạn vay, lãi suất và thời hạn trả tiền là đúng. Ông bà đều đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T, cụ thể: Đồng ý trả số tiền gốc là 1.220.000.000đ; tiền lãi tạm tính đến ngày 20/12/2021 là 98.293.333đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/12/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Đối với lãi suất chậm thi hành án thì ông bà đồng ý trả theo mức lãi suất 10%/ năm.

Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải nhưng các đương sự chỉ thống nhất thỏa thuận về trả số tiền gốc, tiền lãi và lãi suất; không thỏa thuận được với nhau về án phí.

Tại phiên tòa nguyên đơn là chị Ngô Thị Minh T; bị đơn là ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị H đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ vay tiền giữa chị Ngô Thị Minh T và vợ chồng ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị H là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm

đơn khởi kiện theo thủ tục tại Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật và thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy:

Ngày 05/8/2021 giữa chị Ngô Thị Minh T và vợ chồng ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị H có ký kết hợp đồng vay tài sản là “*Giấy cho vay tiền*”; thời hạn vay trả tiền theo 04 lần kể từ ngày 29/10/2021 đến ngày 10/02/2022; lãi suất vay là 1,6%/ tháng; phương thức vay tiền theo chuyển khoản. Đến hạn trả tiền nhưng vợ chồng ông C, bà H không thanh toán trả. Ngày 14/01/2022 chị T nộp đơn khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu vợ chồng ông C, bà H phải thanh toán trả số tiền gốc và lãi suất phát sinh. Đối với thời hạn trả tiền lần 4 ngày 10/02/2022 với số tiền trả là 500.000.000đ chưa đến hạn. Tuy nhiên vợ chồng ông C, bà H đều đồng ý với khởi kiện của chị T. Vì vậy, xác định tranh chấp giữa các đương sự là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quy định tại Điều 184; Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì chị T có quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Về số tiền gốc: Chị T và vợ chồng ông C, bà H đều thừa nhận hai bên có thực hiện giao dịch vay tiền làm nhiều lần qua hình thức chuyển khoản. Ngày 05/8/2021 giữa các bên đã thống nhất lập giấy cho vay tiền; chị T ký bên cho vay, bà H ký bên vay với nội dung: vợ chồng ông C, bà H vay của chị T số tiền gốc là 1.220.000.000đ; phương thức nhận tiền qua chuyển khoản; mức lãi suất là 1,6%/ tháng; thời điểm thanh toán lãi là ngày 25 hàng tháng; thời điểm trả tiền gốc chia làm 04 lần bắt đầu từ ngày 29/10/2021 đến ngày 10/02/2022. Như vậy, giữa chị T và vợ chồng ông C, bà H đã thiết lập quan hệ hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 với số tiền vay gốc là 1.220.000.000đ.

Về lãi suất: Tại “*giấy cho vay tiền*” ngày 05/8/2021 giữa chị T và vợ chồng ông C, bà H có thỏa thuận mức lãi suất là 1,6%/tháng tức 19,2%/năm là phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, chị T yêu cầu vợ chồng ông C, bà H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả số tiền gốc là 1.220.000.000đ và số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 1,6%/ năm kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm thì ông C, bà H đồng ý. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi số tiền nợ gốc, lãi và lãi suất là phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Về trách nhiệm thanh toán: Khi lập giấy vay tiền ngày 05/8/2021 chỉ có một mình bà H ký nhận tại mục “*bên vay*”. Tuy nhiên, ngày 30/11/2021 ông C có viết nhận nợ và nhận trách nhiệm thanh toán cùng bà H trong giấy cho vay tiền. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông C, bà H đều đồng ý trả tiền gốc, tiền lãi và mức lãi suất theo yêu cầu của chị T. Do vậy cần buộc vợ chồng ông C, bà H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả cho bà T số tiền gốc là 1.220.000.000đ và số tiền lãi phát sinh tính từ ngày vay 05/8/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 25/3/2022 (07

tháng 20 ngày) theo mức lãi suất 19,2%/ năm là  $(1.220.000.000đ \times 19,2\%/12 \times 07 = 136.639.000đ) + (1.220.000.000đ \times 19,2\%/360 \times 20 = 13.013.000đ) = 149.652.000đ$ , tổng cộng: 1.369.652.000đ (Một tỷ ba trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Về lãi suất chậm thi hành án: Các đương sự đều thống nhất vợ chồng ông C, bà H phải thanh toán trả tiền lãi suất chậm thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là phù hợp nên cần được chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông C, bà H thuộc diện người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Ngô Thị Minh T không phải chịu án phí; hoàn trả chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 26; Điều 35 và Điều 39; Điều 147; Điều 184; Điều 186; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Minh T.

Buộc vợ chồng ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả cho chị Ngô Thị Minh T số tiền nợ gốc là 1.220.000.000 đồng; số tiền nợ lãi là 149.652.000đ, tổng cộng là 1.369.652.000đ (Một tỷ ba trăm sáu mươi chín triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Đỗ Văn C, bà Nguyễn Thị H được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Ngô Thị Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị T số tiền 25.774.000 đồng (Hai mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012648 ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Sang**